



NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI TIẾP CẬN TÍN DỤNG TIÊU DÙNG Ở NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỦA HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Trần Ái Kết¹ và Thái Thanh Thoảng²

¹ Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

² Cao học Tài chính - Ngân hàng, Khóa 16, Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 21/05/2013

Ngày chấp nhận: 31/10/2013

Title:

Research on factors that affect consumer access to credit at commercial banks of households in the province of Can Tho City

Từ khóa:

Tiếp cận tín dụng tiêu dùng, hộ gia đình, Cần Thơ

Keywords:

Access to Consumer Credit, Households, Can Tho

ABSTRACT

This study aimed to identify factors affecting access to consumer credit at commercial banks of households in Can Tho City, Vietnam. The study used Probit model to determine the factors affecting access to consumer credit in commercial banks of the households, and used Tobit regression model to determine the factors affecting the consumer credit quantity of the households in Can Tho City. The analytical results showed that the educational level of the household, mortgage certificates of land use rights, area of land and the household income are factors that affected the ability of households to access consumer credit in commercial banks. The amount of consumer credit by households was affected by the following factors: education level of the household head, the land use rights, household income and term loans.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng tới tiếp cận tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại của hộ gia đình trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu sử dụng mô hình Probit để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại của hộ gia đình, đồng thời thông qua mô hình hồi quy Tobit để xác định các yếu tố ảnh hưởng tới lượng vốn tín dụng tiêu dùng của hộ gia đình ở Thành phố Cần Thơ. Kết quả phân tích cho thấy, trình độ học vấn của chủ hộ, có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất thuộc quyền sử dụng và thu nhập của hộ gia đình là những yếu tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại của hộ gia đình. Lượng vốn tín dụng tiêu dùng của hộ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố: trình độ học vấn của chủ hộ, diện tích đất thuộc quyền sử dụng, thu nhập của hộ gia đình và kỳ hạn vay vốn.

1 GIỚI THIỆU

Chủ đề tiếp cận tín dụng chính thức của hộ gia đình từ lâu đã thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu lý luận cũng như thực tiễn trong nhiều lĩnh vực ở các nước đang phát triển. Stiglitz & Weiss (1981) cho rằng phân phối tín dụng theo

cơ chế phi giá cả không chỉ là kết quả của sự can thiệp của chính phủ, mà còn từ hành vi của người cho vay và người đi vay trong môi trường không cân xứng thông tin ở thị trường tín dụng. Vai trò quan trọng của thông tin về người vay đối với quyết định chấp thuận của người cho vay được

Hoff & Stiglitz (1993) chỉ ra qua bước đánh giá mức độ tín nhiệm của người xin vay. Bertola *et al.* (2006) chỉ ra rằng cho vay cho tiêu dùng cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề tương tự như cho vay sản xuất.

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm về tiếp cận tín dụng tiêu dùng trên thế giới: Pearce (1985), Hawley & Fujii (1991), Chien & DeVaney (2001), Kim & DeVaney (2001), Zhu & De'Armond (2005),... Tuy nhiên, ở nước ta cho tới nay nghiên cứu về tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại của hộ gia đình là vấn đề còn khá mới mẻ.

Để góp phần đánh giá thực trạng tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại của hộ gia đình, chúng tôi lựa chọn vấn đề: “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới tiếp cận tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại của hộ gia đình trên địa bàn Thành phố Cần Thơ”. Nghiên cứu nhằm: (1) Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tín dụng tiêu dùng và (2) Các yếu tố ảnh hưởng tới lượng tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại của hộ gia đình ở Thành phố Cần Thơ thời gian vừa qua.

2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm

2.1.1 Cung - cầu tín dụng tiêu dùng của hộ gia đình

a. Nhu cầu tín dụng tiêu dùng

Keynes (1936) trong bài viết "Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ" đã chỉ ra tiêu thụ là một hàm số của thu nhập. Khi thu nhập của một cá nhân tăng lên, thì mức chi tiêu của họ cũng sẽ tăng lên. Keynes cho rằng mức chi tiêu tiêu dùng sẽ tăng lên ít hơn mức gia tăng thu nhập, thúc đẩy hơn nữa cơ sở cho xu hướng tiêu dùng biên. Phát hiện quan trọng của Keynes là xu hướng tiêu dùng biên bị ảnh hưởng bởi tín dụng tiêu dùng.

Deaton (1992) và Attanasio (1999), bằng mô hình hóa hành vi tiêu dùng với giả thuyết thu nhập cả đời (Permanent Income Hypothesis), lập luận rằng sự khác biệt giữa thu nhập và tiêu dùng (và do đó tiết kiệm hoặc vay) được xác định bởi các hộ gia đình lựa chọn mức độ tiêu dùng tối ưu trong từng thời kỳ, với ràng buộc ngân sách liên thời gian. Thu nhập cả đời thường có dạng hình “bước”: thấp ở thời gian đầu trong cuộc sống cũng như sau này khi con người hoàn toàn hoặc một phần rút khỏi thị trường lao động. Do đó, mô hình

này dự đoán là vay mượn sẽ cao hơn đối với hộ gia đình trẻ và các hộ gia đình trong độ tuổi trung niên sẽ tiết kiệm cho hưu trí sau này. Hơn nữa, Deaton và Attanasio cũng chỉ ra rằng hành vi tiêu dùng còn bị chi phối bởi qui mô hộ gia đình cũng như đặc điểm nhân khẩu học của các thành viên và các khoản vay có thể phụ thuộc quan trọng vào sự không chắc chắn của dòng thu nhập suốt đời. Mô hình hành vi tiêu dùng cũng chỉ ra những yếu tố khác có ảnh hưởng tới vay tiêu dùng của hộ: hàng hóa lâu bền và khó khăn về thanh khoản.

b. Cung tín dụng tiêu dùng

Stiglitz & Weiss (1981) cho rằng phân phối tín dụng theo cơ chế phi giá cả không chỉ là kết quả của sự can thiệp của chính phủ, mà còn từ hành vi của người cho vay và người đi vay trong môi trường không cân xứng thông tin ở thị trường tín dụng. Vai trò quan trọng của thông tin về người vay đối với quyết định chấp thuận của người cho vay được Hoff & Stiglitz (1993) chỉ ra qua bước đánh giá mức độ tín nhiệm của người xin vay.

Bertola *et al.* (2006) chỉ ra rằng cho vay cho tiêu dùng cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề tương tự như cho vay sản xuất. Cũng như cung cấp tín dụng sản xuất, cung cấp tín dụng tiêu dùng đang bị cản trở bởi rủi ro đạo đức (moral hazard) và các vấn đề lựa chọn đối nghịch (adverse selection) trong môi trường không cân xứng thông tin ở thị trường tín dụng. Ở thị trường tín dụng phát triển cao, các ngành công nghiệp tín dụng tiêu dùng đã phát triển thủ tục “chăm diêm” tinh vi để đánh giá rủi ro trả nợ của khách hàng. Trong thực tế, các giao dịch tín dụng trên cơ sở các đặc điểm quan sát được, tổ chức tín dụng bên cạnh sử dụng thông tin thống kê liên quan đến lịch sử khả năng trả nợ, còn thường đòi hỏi tài sản thế chấp của người vay, nhiều ngân hàng thực hiện liên kết với người bán lẻ hàng tiêu dùng qua hình thức tài trợ tín dụng trả góp hay ủy thác cho các tổ chức đại diện khác.

2.1.2 Các nghiên cứu thực nghiệm

Pearce (1985), phân tích dữ liệu từ các cuộc khảo sát về tài chính - tín dụng tiêu dùng ở các năm 1967, 1977 và 1983 của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ, đã xác nhận nhiều yếu tố ảnh hưởng tới tín dụng tiêu dùng của hộ gia đình ở Hoa Kỳ. Các yếu tố ảnh hưởng tới cầu tín dụng, bao gồm: tuổi chủ hộ, lãi suất cho vay và thu nhập của hộ. Các yếu tố ảnh hưởng tới cung tín dụng, bao gồm: trần lãi suất (qui định), cấu trúc tài sản của tổ chức tín dụng và sự cạnh tranh (các nguồn cung khác).

Hawley & Fujii (1991), phân tích thông tin từ dữ liệu khảo sát tài chính tiêu dùng ở các tổ chức tín dụng của 3.665 hộ gia đình ở Hoa Kỳ năm 1983 bằng hồi qui mô hình Probit, cho thấy các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tín dụng tiêu dùng của hộ: chủng tộc, tuổi, giới tính và tình trạng hôn nhân của chủ hộ, thu nhập và chi tiêu của hộ. Trong đó, chủ hộ là nam, lớn tuổi, có con cái và gia đình có thu nhập cao trong khi chi tiêu thấp và chủ hộ da trắng có khả năng tiếp cận tín dụng cao hơn chủ hộ da màu.

Chien & DeVaney (2001), sử dụng dữ liệu khảo sát về tài chính tiêu dùng của 4.305 hộ gia đình năm 1998 ở Hoa Kỳ, bằng phân tích hồi qui mô hình Tobit, cho thấy nhiều yếu tố ảnh hưởng tới lượng tín dụng tiêu dùng ở tổ chức tín dụng của hộ. Chủ hộ có trình độ học vấn cao hơn, có gia đình và có chuyên môn cũng như có thái độ rõ ràng đối với nghĩa vụ trả nợ sẽ có lượng tín dụng cao hơn. Hộ gia đình có nhiều nhân khẩu và có thu nhập thấp cũng có khả năng vay được nhiều hơn.

Kim & DeVaney (2001), sử dụng dữ liệu khảo sát tài chính tiêu dùng của 3.376 hộ gia đình sử dụng thẻ tín dụng (tín dụng tiêu dùng) ở Hoa Kỳ năm 1998 và phân tích bằng mô hình hồi quy hai bước của Heckman đã kết luận nhiều yếu tố ảnh hưởng tới sử dụng thẻ tín dụng của hộ. Các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng sử dụng, ngoài tuổi của chủ hộ có ảnh hưởng thuận, các yếu tố trình độ học vấn của chủ hộ, thu nhập, tài sản thanh khoản, bất động sản, lãi suất và kỳ hạn khoản vay cũng có tác động nghịch. Các yếu tố ảnh hưởng cùng có tác động thuận tới lượng tín dụng: trình độ học vấn, mức thu nhập và giá trị bất động sản.

Zhu & De'Armond (2005), sử dụng thông tin từ khảo sát chi tiêu dùng của 7.579 hộ gia đình ở Hoa Kỳ năm 2001, bằng phân tích hồi qui mô hình logit đã kết luận các yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê tới khả năng tiếp cận tín dụng tiêu dùng của hộ: chủng tộc, tình trạng hôn nhân, tình trạng việc làm và trình độ học vấn của chủ hộ; thu nhập, trợ cấp và nhà ở của hộ. Trong đó, trình độ học vấn của chủ hộ, thu nhập và có trợ cấp có tác động thuận; chủ hộ độc thân, thất nghiệp có tác động nghịch tới khả năng tiếp cận tín dụng. Các yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê tới lượng vốn tín dụng của hộ, bao gồm: tuổi, trình độ học vấn của chủ hộ; thu nhập và có nguồn vay khác. Trong đó, chỉ có trình độ học vấn có tác động nghịch, các yếu tố khác đều tác động thuận tới lượng vốn vay tiêu dùng của hộ.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sơ cấp phục vụ cho phân tích của nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát ngẫu nhiên các hộ gia đình ở 4 quận, huyện của Thành phố Cần Thơ năm 2011. Các thông tin được thu thập bao gồm các đặc điểm nhân khẩu học, đặc điểm kinh tế - xã hội và thông tin về tiếp cận tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại của hộ. Mẫu điều tra bao gồm 246 hộ gia đình ở 4 quận, huyện của Thành phố Cần Thơ năm 2011: Ninh Kiều, Ô Môn, Thốt Nốt và Cờ Đỏ. Trong đó, Ninh Kiều và Ô Môn đại diện cho các quận được phân theo loại khu vực thành thị, không có nông thôn; Thốt Nốt đại diện cho quận được phân theo loại khu vực thành thị, không có nông thôn; Cờ Đỏ đại diện cho các huyện sản xuất nông nghiệp của Thành phố Cần Thơ.

2.2.2 Phương pháp phân tích

a) Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại của hộ gia đình trên địa bàn Thành phố Cần Thơ, mô hình hồi quy Probit nhị phân được vận dụng trong phân tích, với phương trình như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \varepsilon \quad (1)$$

Trong đó:

- Y là biến phụ thuộc phản ánh khả năng tiếp cận tín dụng tiêu dùng, với:
- Y = 1 khi hộ gia đình tiếp cận được vốn tín dụng tiêu dùng.
- Y = 0 nếu không tiếp cận được
- X₁, X₂, X₃, X₄, X₅, X₆ và X₇ là các biến độc lập.

Dựa trên cơ sở lý thuyết về cung - cầu tín dụng tiêu dùng của hộ gia đình được bàn luận bởi Deaton (1992), Attanasio (1999), Bertola *et al.* (2006) và kết quả các nghiên cứu thực nghiệm của Pearce (1985), Hawley & Fujii (1991), Chien & DeVaney (2001), Kim & DeVaney (2001), Zhu & De'Armond (2005), một số biến độc lập được dự báo có trong mô hình nghiên cứu. Các biến độc lập và kỳ vọng dấu về mối quan hệ giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc ở phương trình (1) được trình bày tóm tắt trong Bảng 1.

Bảng 1: Các biến độc lập với dấu kỳ vọng trong mô hình Probit

Biến số	Đo lường	Dấu kỳ vọng
Tuổi (X ₁)	Số năm	+/-
Trình độ học vấn (X ₂)	Dưới phổ thông (PT)=1, PT=2, trên PT=3	+
Thành viên có thu nhập (X ₃)	Số người	+
Băng khoản (X ₄)	1 = Có, 0 nếu không có	+/-
Diện tích đất (X ₅)	1.000m ²	+/-
Thu nhập (X ₆)	Triệu đồng/tháng	+
Tiết kiệm (X ₇)	1 = Có, 0 nếu không có	-

b) Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới lượng vốn tín dụng tiêu dùng tại ngân hàng thương mại của hộ gia đình trên địa bàn Thành phố Cần Thơ, mô hình hồi quy Tobit được vận dụng trong phân tích, với phương trình sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \varepsilon \quad (2)$$

Trong đó:

- Y là biến phụ thuộc, là lượng vốn vay tiêu dùng của hộ gia đình.

- X₁, X₂, X₃, X₄, X₅, X₆ và X₇ là các biến độc lập. Theo lý thuyết về cung - cầu tín dụng tiêu dùng, các đặc tính kinh tế - xã hội của hộ gia đình phản ánh uy tín của hộ đối với người cho vay và do đó quyết định khả năng tiếp cận cũng như mức độ tiếp cận vốn tín dụng tại ngân hàng thương mại của hộ. Do đó, các biến độc lập cũng được sử dụng cho 2 mô hình Probit và Tobit. Các biến độc lập và kỳ vọng dấu về mối quan hệ giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc ở phương trình (2) được trình bày tóm tắt trong Bảng 2.

Bảng 2: Các biến độc lập với dấu kỳ vọng trong mô hình hồi quy Tobit

Biến số	Đo lường	Dấu kỳ vọng
Tuổi (X ₁)	Số năm	+/-
Trình độ học vấn (X ₂)	Dưới phổ thông (PT)=1, PT=2, trên PT=3	+
Thành viên có thu nhập (X ₃)	Số người	+
Băng khoản (X ₄)	1 = Có, 0 nếu không có	+/-
Diện tích đất (X ₅)	1.000m ²	+/-
Thu nhập (X ₆)	Triệu đồng	+
Tiết kiệm (X ₇)	1 = Có, 0 nếu không có	-

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

3.1.1 Đặc điểm nhân khẩu và kinh tế của hộ

Từ thông tin khảo sát 246 hộ gia đình ở 4 quận,

huyện của Thành phố Cần Thơ năm 2011, đặc điểm về nhân khẩu và kinh tế của hộ được trình bày ở Bảng 3. Trong đó bình quân hộ gia đình có chi tiêu và tích lũy hàng tháng cùng xấp xỉ 50% thu nhập của hộ. Bên cạnh đó, trung bình giá trị tài sản và diện tích nhà đất của hộ khá cao.

Bảng 3: Thông tin về nhân khẩu và kinh tế của hộ gia đình

Thông tin	ĐVT	Nhỏ nhất	Trung bình	Lớn nhất	Độ lệch chuẩn
Tuổi chủ hộ	Năm	24	43,98	72	9,05
Trình độ học vấn	Cấp học	1	1,99	3	0,70
Số thành viên trong hộ	Người	2	4,39	11	1,40
Số thành viên có thu nhập	Người	1	2,51	5	0,76
Thu nhập của hộ/tháng	Tr. đồng	5	14,46	45	6,21
Chi phí của hộ/tháng	Tr. đồng	3	7,36	12	2,19
Số tiền tích lũy/tháng	Tr. đồng	2	7,32	35	4,91
Diện tích nhà đất	m ²	0	4.988	42.000	6,40
Tổng GTTS của hộ	Tr. đồng	200	1.063	6.500	892

Nguồn : Số liệu khảo sát năm 2011

3.1.2 Đặc điểm về tín dụng tiêu dùng của hộ

Thông tin được khảo sát cho thấy, hơn 63% số hộ không tiếp cận được vốn tín dụng tiêu dùng ở

NHTM. Những lý do hộ không tiếp cận được nguồn tín dụng được trình bày ở Bảng 4. Trong đó, lý do chiếm tỷ lệ cao nhất của mẫu khảo sát là nộp đơn xin vay nhưng bị ngân hàng từ chối.

Bảng 4: Thông tin hộ gia đình không tiếp cận được nguồn vốn tín dụng

Lý do không tiếp cận	Số hộ	Tỷ trọng
Không biết NHTM nào cho vay	1	0,64
Không nộp đơn do không đủ điều kiện	30	19,23
Nộp đơn xin vay nhưng bị từ chối	57	36,54
Đi lại khó khăn	8	5,13
Không muốn thiếu nợ	54	34,62
Lý do khác	6	3,84
Tổng cộng	156	100,0

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2011

Hộ tiếp cận được tín dụng tiêu dùng ở NHTM có kỳ hạn vay bình quân là trung hạn (trên 5 năm) và lãi suất vay bình quân/tháng khá cao. Thông tin

về lượng vốn vay, kỳ hạn và lãi suất được trình bày ở Bảng 5.

Bảng 5: Thông tin về lượng vốn vay tiêu dùng của hộ gia đình

Chỉ tiêu	ĐVT	Nhỏ nhất	Trung bình	Lớn nhất	Độ lệch chuẩn
Lượng vốn hộ yêu cầu	Tr. đồng	15	203	600	131
Lượng vốn NHTM cho vay	Tr. đồng	15	201,05	600	127
Thời gian cho vay	Tháng	12	66,8	180	27,95
Lãi suất cho vay	%/tháng	1,5	1,83	2,0	0,12

Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2011

3.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tín dụng tiêu dùng của hộ

Để đảm bảo không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình hồi qui, ma trận tương quan được lập (xem Bảng 8). Thông tin từ ma trận tương quan cho biết hệ số tương quan giữa các biến

nhỏ hơn 0,6.

Từ dữ liệu thu thập được qua điều tra hộ gia đình ở Thành phố Cần Thơ, kết quả hồi qui Probit các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tín dụng tiêu dùng ở NHTM của hộ gia đình được tóm lược ở Bảng 6.

Bảng 6: Kết quả hồi qui mô hình Probit

Biến độc lập	Hệ số	dy/dx	Giá trị Z
Hằng số	- 5,7611*	-	- 3,77
Tuổi (X ₁)	- 0,0025	- 0,0007	- 0,14
Trình độ học vấn (X ₂)	0,5072**	0,1390**	2,56
Thành viên có thu nhập (X ₃)	- 0,2602	- 0,0713	- 1,51
Băng khoản (X ₄)	2,5410**	0,3997**	2,23
Diện tích đất (X ₅)	0,0001*	0,0001*	3,17
Thu nhập (X ₆)	0,2089*	0,0872*	6,01
Tiết kiệm (X ₇)	- 0,2516	- 0,0654	- 0,97

Số quan sát: 246

Phân trăm dự báo đúng: 80,89%

Giá trị kiểm định chi bình phương: 148,83*

Hệ số xác định R² (%): 0,4606

Ghi chú: *: mức ý nghĩa 1%, **: mức ý nghĩa 5%

Thông tin ở Bảng 6 cho biết mô hình (1) phù hợp với phân tích. Hơn nữa, nhiều yếu tố ảnh hưởng ở mức có ý nghĩa thống kê tới khả năng tiếp

cận tín dụng của hộ. Cũng như kết luận của Chien & DeVaney (2001), Zhu & De'Armond (2005), trình độ học vấn của chủ hộ có ảnh hưởng thuận tới

khả năng tiếp cận tín dụng của hộ. Thu nhập của hộ cũng là yếu tố có tác động thuận, kết quả này phù hợp với kết luận của Hawley & Fujii (1991), Zhu & De'Armond (2005). Các yếu tố diện tích đất và bằng khoán cũng có tác động thuận tới khả năng tiếp cận tín dụng của hộ, kết quả này trái với kết luận của Kim & DeVaney (2001). Vì vay tiêu dùng của hộ được khảo sát chủ yếu là vay trung hạn và giá trị vay khá cao nên ngân hàng thường yêu cầu hộ vay phải giao bằng khoán đất (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – GCNQSDĐ), hơn nữa đất đai thường được xem là vật thế chấp và giá trị của nó trước hết phụ thuộc vào diện tích.

Ngoài ra, tuổi của chủ hộ và số thành viên trong hộ có thu nhập cũng ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tín dụng của hộ, tuy nhiên chưa ở mức có ý nghĩa thống kê.

3.3 Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng vốn tín dụng tiêu dùng của hộ

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng tới lượng vốn tín dụng tiêu dùng ở ngân hàng thương mại

của các hộ gia đình được khảo sát, mô hình hồi qui Tobit được sử dụng trong phân tích. Kết quả hồi qui mô hình (2) được trình bày ở bảng 7.

Thông tin từ bảng 7 cho biết mô hình phù hợp với phân tích. Hơn nữa, một số biến quan trọng ảnh hưởng ở mức có ý nghĩa thống kê và phù hợp với lý thuyết cũng như kỳ vọng. Trình độ học vấn của chủ hộ có tác động thuận tới lượng vốn vay của hộ. Kết quả này phù hợp với kết luận của Chien & DeVaney (2001), Kim & DeVaney (2001). Cũng như kết luận của Kim & DeVaney (2001) và Zhu & De'Armond (2005), thu nhập cũng tác động thuận tới lượng vốn vay của hộ. Bằng khoán đất là yếu tố có tác động nghịch tới lượng vốn vay, tuy nhiên chỉ ảnh hưởng ở mức có ý nghĩa 10%. Vì bằng khoán chỉ là điều kiện cần để hộ được vay, nhưng không phải là điều kiện quyết định lượng vốn tín dụng tiêu dùng được ngân hàng cung cấp.

Ngoài ra, tuổi của chủ hộ, số thành viên có thu nhập và diện tích đất của hộ cũng ảnh hưởng tới lượng vốn vay tiêu dùng, nhưng chưa ở mức có ý nghĩa thống kê.

Bảng 7: Kết quả hồi quy mô hình Tobit

Biến độc lập	Hệ số	Sai số chuẩn	Giá trị t
Hằng số	-319,088***	187,610	-1,700
Tuổi (X ₁)	-1,014	3,323	-0,440
Trình độ học vấn (X ₂)	79,831*	28,227	2,830
Thành viên có thu nhập (X ₃)	26,147	22,239	1,180
Bằng khoán (X ₄)	-150,185***	79,157	-1,900
Diện tích đất (X ₅)	0,001	0,003	0,49
Thu nhập (X ₆)	16,587*	3,241	5,12
Tiết kiệm (X ₇)	23,222	36,977	0,630

Số quan sát: 246
 Giá trị log của hàm gần đúng: -672,965
 Giá trị kiểm định chi bình phương: 74,120*
 Hệ số xác định R² (%): 5,220

Ghi chú: *: mức ý nghĩa 1%, ***: mức ý nghĩa 10%

Bảng 8: Ma trận tương quan giữa các biến độc lập

	X1	X2	X3	X4	X5	X6	X7
X1	1						
X2	-0.44152	1					
X3	0.517178	-0.07585	1				
X4	-0.34517	0.167966	-0.22698	1			
X5	0.307667	-0.35017	0.216159	-0.24143	1		
X6	0.372405	0.093999	0.513673	-0.27854	0.327947	1	
X7	-0.01493	-0.2841	-0.17335	-0.06426	0.127932	-0.40425	1

4 KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới tiếp cận tín dụng tiêu dùng ở Ngân hàng thương

mại của hộ gia đình trên địa bàn Thành phố Cần Thơ, có thể rút ra các kết luận sau đây:

Thứ nhất, tín dụng tiêu dùng ở NHTM của hộ gia đình ở Thành phố Cần Thơ nhìn chung có kỳ

hạn trung hạn với lãi suất khá cao. Tỷ lệ hộ có khả năng tiếp cận tín dụng chưa cao, tuy nhiên lượng vốn vay bình quân của hộ gia đình là đáng kể.

Thứ hai, kết quả phân tích hồi qui mô hình Probit cho thấy nhiều yếu tố có ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tín dụng tiêu dùng ở NHTM của hộ gia đình: trình độ học vấn của chủ hộ, thu nhập, diện tích đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ.

Thứ ba, kết quả phân tích hồi qui mô hình Tobit cho biết các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng tới lượng vốn tín dụng tiêu dùng của hộ: trình độ học vấn của chủ hộ, thu nhập của hộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Attanasio, Orazio P. (1999). "Consumption." In Handbook of Macroeconomics, vol. 1, ed. J. B. Taylor and M. Woodford. Amsterdam: Elsevier Science B.V.
2. Bertola, G. Disney, R. & Grant, C. (2006). *The Economics of Consumer Credit Demand and Supply*. The MIT Press Cambridge, Massachusetts London, England.
3. Chien, Y. W. & DeVaney, S. (2001). *The Effects of Credit Attitude and Socioeconomic Factors on Credit Card and Installment Debt*. The Journal of Consumer Affairs, Vol. 35, No.1.
4. Deaton, Angus. 1992. *Understanding Consumption*. Oxford: Oxford University Press.
5. Hoff, K, Stiglitz, J.E (1993), Introduction: imperfect information and rural credit markets, *World Bank Economic Review*, Vol. 4.
6. Hawley, C. and K. Fujii. 1991. *Discrimination in consumer credit markets*. Eastern Economic Journal, Vol.17, No.1.
7. Keynes, J.M. (1936). *The General Theory of Employment, Interest and Money*. Macmillan Cambridge University Press, for Royal Economic Society in 1936.
8. Kim, H., and DeVaney, S. (2001), *The Determinants of Outstanding Balances Among Credit Card Revolvers*. Financial Counseling and Planning, Volume 12 (1).
9. Pearce, D. K. (1985), *Rising Household Debt in Perspective*, Economic Review, Federal Reserve Bank of Kansas City.
10. Stiglitz, J. E., and Weiss, A. (1981). "Credit Rationing in Markets with Imperfect Information." American Economic Review 71 (June).
11. Zhu, D. & De'Armond, D. (2005). *The Factors of Consumer Debt: A look at demographic, economic, and credit management variables among participants of the 2001 Consumer Expenditure Survey*. Presented at Association for Financial Counseling and Planning Education, Scottsdale, Arizona.